

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị A.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lương Công T;

2/ Ông Nguyễn Hoài T.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận sự thỏa thuận của các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Bà **Nguyễn Thị Mê L**, sinh năm 1969. Địa chỉ: xã T, huyện T, thành phố C.

BI ĐƠN: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận B, thành phố C.

2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị Mê L và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* giao hai con chung hai con chung tên Trần Thị Như H (nữ) sinh ngày 28 tháng 7 năm 2009 và Trần Anh L (nam) sinh ngày 23 tháng 8 năm 2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc ông T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo quy định.

Vì quyền và lợi ích của trẻ em, Tòa án có thể xem xét giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn khi có đơn yêu cầu.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mê L phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí. Chuyển 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004280 ngày 06/01/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Ủy ban nhân dân phường T, Q.B, TPCT
(GCNĐKKH số 88 ngày 14/7/2009);
- Tòa án nhân dân Thành phố C;
- Lưu (Hs, Lt, Tds);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị A